

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 295/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T - Sinh ngày: 20/6/1991

Số định danh cá nhân:

Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố I, phường T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Đậu Xuân C - Sinh ngày 17/11/1993

Số định danh cá nhân:

Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố I, phường T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/01/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Đậu Xuân C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị T và anh Đậu Xuân C thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh chị có 03 con chung là:

1. Đậu Thị Kim N - Sinh ngày: 29/09/2014
2. Đậu Thị Thiên D - Sinh ngày: 30/11/2016
3. Đậu Bích N1 - Sinh ngày: 01/10/2024.

Anh chị thoả thuận thống nhất: Giao cháu Đậu Bích N1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đậu Thị Kim N và Đậu Thị Thiên D cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của các con). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và công nợ*: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị T tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003711 ngày 03/12/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh T. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị T số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,9. Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Nơi đăng ký kết hôn: UBND xã T, huyện Tr, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã TN, tỉnh Thanh Hoá).
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Huyền